

BÁO CÁO

Thuyết minh, giải trình các chỉ tiêu đến năm 2030 tại Dự thảo Nghị quyết về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng đến năm 2045

1. Chỉ tiêu: *Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.*

Cơ sở đề xuất: Theo nội dung tại Tờ trình số 190/TTr/ĐU ngày 26/12/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh về tham mưu triển khai tổng kết và xây dựng báo cáo, chương trình hành động thực hiện Kết luận số 203-KL/TW của Bộ Chính trị, trong đó trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy dự thảo Báo cáo nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Quảng Ngãi; Trong đó xác định:

- Để thực hiện mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên. Theo tính toán kịch bản kinh tế, Khu vực I (Nông, lâm nghiệp và thủy sản) phải đạt tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5% - 6%. Cụ thể: Năm 2026: 15.952,1 tỷ đồng; Năm 2027: 17.228 tỷ đồng; Năm 2028: 18.221,7 tỷ đồng; Năm 2029: 19.276,4 tỷ đồng; **Năm 2030: 20.396,2 tỷ đồng** (*Chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá SS 2010 khu vực nông, lâm, nghiệp và thủy sản giai đoạn 2026-2030*). Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5,04%.

- Chỉ tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực trong ngành: Để đạt được mức tăng trưởng chung 5-6,0%/năm, giá trị (giá so sánh 2010) của từng lĩnh vực được cụ thể hóa như sau:

+ **Lĩnh vực Nông nghiệp:** Là thành phần chiếm tỷ trọng lớn nhất, năm 2025 đạt 8.786,1 tỷ đồng, kế hoạch năm 2026 đạt 9.225,4 tỷ đồng, dự kiến đạt 11.841,9 tỷ đồng vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026-2030 đến năm 2030 đạt 5,12%.

+ **Lĩnh vực Lâm nghiệp:** năm 2025 đạt 2.101,1 tỷ đồng, kế hoạch năm 2026 đạt 2.248,2 tỷ đồng; phấn đấu đạt 3.058,6 tỷ đồng vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026-2030 đến năm 2030 đạt 6,35%.

+ **Lĩnh vực Thủy sản:** năm 2025 đạt 4.306,2 tỷ đồng, kế hoạch năm 2026 đạt 4.478,5 tỷ đồng; dự kiến đạt 5.495,7 tỷ đồng vào năm 2030. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026-2030 đến năm 2030 đạt 4,18%.

- Về cơ cấu nội bộ ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Để đạt được tổng giá trị tăng thêm là **20.396,2 tỷ đồng vào năm 2030**, cơ cấu đóng góp của từng lĩnh vực nội ngành được xác định cụ thể nhằm đảm bảo tính khả thi: Lĩnh vực **Nông nghiệp** tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, đóng góp **11.841,9 tỷ đồng**, chiếm

khoảng **58%** giá trị tăng thêm của toàn Khu vực; đây là lĩnh vực trọng tâm để phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Lĩnh vực **Thủy sản đóng góp 5.495,7 tỷ đồng**, chiếm khoảng **27%** cơ cấu ngành; lĩnh vực này dựa trên các mục tiêu cụ thể như đến năm 2030 sản lượng khai thác đạt 267.400 tấn/năm và phát triển 2.500 ô lồng nuôi biển. Lĩnh vực **Lâm nghiệp đóng góp 3.058,6 tỷ đồng**, chiếm khoảng **15%** cơ cấu ngành gắn liền với mục tiêu duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 60% và phát triển được liệu.

2. Chỉ tiêu: *Phát triển diện tích sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt, giảm phát thải khí nhà kính, trồng trọt hữu cơ, VietGAP và tương đương khoảng 4.000 ha; hình thành vùng trồng được liệu tập trung khoảng 8.000 ha và trở thành tỉnh sản xuất được liệu lớn của cả nước; có thêm 05 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; thu hút từ 01- 02 doanh nghiệp có quy mô lớn, đầu tư chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ nông nghiệp.*

*** Phát triển diện tích sản xuất theo thực hành nông nghiệp tốt, giảm phát thải khí nhà kính, trồng trọt hữu cơ, VietGAP và tương đương khoảng 4.000 ha;**

Cơ sở đề xuất: Tiếp tục kế thừa và giữ nguyên các chỉ tiêu đã được xác định tại Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Qua rà soát tình hình thực hiện đến năm 2025, các chỉ tiêu nêu trên đang được triển khai nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra; toàn tỉnh hiện mới có 2.668 ha cây trồng được chứng nhận theo các tiêu chuẩn chất lượng trên một số loại cây trồng như cà phê, bưởi, cây có múi, sầu riêng, rau các loại...¹. Với tiến độ triển khai hiện nay, cùng với việc tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết và thúc đẩy áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, do đó việc dự kiến tiếp tục mở rộng thêm khoảng 1.400 ha cây trồng được chứng nhận theo các tiêu chuẩn chất lượng đối với các loại cây trồng nêu trên là khả thi. Vì vậy, việc giữ nguyên chỉ tiêu là phù hợp với thực tiễn, bảo đảm tính khả thi và lộ trình phát triển bền vững của ngành trồng trọt.

Vì vậy, việc giữ nguyên chỉ tiêu đã đề ra là phù hợp với điều kiện thực tiễn, đồng thời bảo đảm tính khả thi trong tổ chức thực hiện và phù hợp với định hướng phát triển bền vững của ngành trồng trọt trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

*** Hình thành vùng trồng được liệu tập trung khoảng 8.000 ha và trở thành tỉnh sản xuất được liệu lớn của cả nước:**

¹ Trong đó: Chứng nhận VietGAP: 486,61 ha, GlobalGAP: 150 ha, Hữu cơ: 70,2 ha, UTZ: 150 ha, 4C: 1.644 ha, chứng nhận khác 168ha.

Nội dung chỉ tiêu đã được xác định trong Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/5/2026 của Tỉnh ủy về phát triển được liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

*** Có thêm 05 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, 10 doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao:**

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa định hướng tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy Kon Tum (cũ) và Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ).

Thực tiễn triển khai giai đoạn 2022 - 2025 cho thấy hiện khu vực phía tây đã công nhận **02** vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao² và **07** doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao³, tạo nền tảng quan trọng để tiếp tục mở rộng trong giai đoạn 2026 - 2030. Và hiện xác định được 05 vùng có tiềm năng hình thành vùng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao⁴ và 10 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao để hướng dẫn, công nhận giai đoạn 2026-2030 (trong đó dự kiến 04 doanh nghiệp ứng dụng CNC trong lĩnh vực Trồng trọt⁵; 01 doanh nghiệp ứng dụng CNC trong lĩnh vực Thủy sản⁶; 03 doanh nghiệp ứng dụng CNC trong lĩnh vực Chăn nuôi⁷; 02 doanh nghiệp ứng dụng CNC trong lĩnh vực Lâm nghiệp⁸; do đó việc đề xuất chỉ tiêu nêu trên là phù hợp với định hướng phát triển và điều kiện thực tiễn của địa phương.

*** Thu hút từ 01- 02 doanh nghiệp có quy mô lớn, đầu tư chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ nông nghiệp.**

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu này được xây dựng trên cơ sở kế thừa định hướng

² Vùng sản xuất cà phê Đắk Hà (nay gồm các xã Đắk Pxi, Đắk Mar, Đắk Ui, Ngọc Réo và Đắk Hà); Vùng sản xuất rau, củ, quả Măng Đen, huyện Kon Plông (nay là xã Măng Đen)

³ Công ty TNHH Việt Khang Nông (huyện Kon Plông, nay là xã Măng Đen; Công ty TNHH CB NLS Nghĩa Phát (huyện Đắk Hà) nay là xã Đắk Mar; Công ty TNHH APANAX (huyện Đắk Hà nay là xã Đắk Hà - tỉnh Quảng Ngãi); Công ty TNHH CNSH R&D (thành phố Kon Tum, nay là Phường Kon Tum); Công ty TNHH Yên sào Kon Tum (thành phố Kon Tum) nay là Phường Đắk Cẩm; Công ty Tá Tiên (huyện Đắk Hà, nay là xã Đắk Hà); Công ty thảo dược Tây Nguyên (huyện Đắk Tô, nay là xã Đắk Tô).

⁴ Vùng cây ăn quả quy mô 300 ha (xã Ya Chim); vùng cà phê với 358 ha (xã ĐắkLong); vùng cà phê với 300 ha (xã ĐắkTô); vùng cây ăn quả 300 ha (xã Đắk Hà); vùng cây ăn quả 300 ha (xã Iah'Drai).

⁵ Công ty Cổ phần chế biến nông sản Sao Mai (dứa, chanh dây), Cty TNHH MTV cà phê Nguyên Huy Hùng (chế biến cà phê), Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Duy Tân (chuối), Công ty Đầu tư và Xuất nhập khẩu Kon Tum.

⁶ Công ty TNHH MTV Thiên Hoàng Thịnh, Dự án được đầu tư quy mô 195.699m², với mục tiêu xây dựng khu nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, áp dụng mô hình nuôi an toàn sinh học, tăng cường tự động hóa trong quản lý và vận hành sản xuất nhằm kiểm soát tốt môi trường nuôi, hạn chế dịch bệnh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển theo hướng bền vững

⁷ Công ty TTHH Sơn Gia Bảo: Chăn nuôi heo Thọ An 1.200 lợn nái, 14.800 lợn thịt, diện tích 11.5 ha, kinh phí khoảng 120 tỷ đồng; Công ty CP xây dựng và Dịch vụ Hoàng Nam Đà Nẵng: 1.800 lợn nái, 9.500 lợn thịt, diện tích 14 ha, kinh phí khoảng 100 tỷ đồng; Công ty TNHH chăn nuôi GGT: 1.500 lợn nái, 8.000 lợn thịt, diện tích 18,1 ha, kinh phí khoảng 99 tỷ đồng.

⁸ Công ty Cổ phần Sâm Ngọc Linh Tu Mơ Rông Kon Tum thực hiện Dự án ứng dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, liên kết sản xuất, trồng và kinh doanh các loại cây dược liệu tại xã Măng Ri với qui mô 41,8 ha; Công ty cổ phần rượu Sâm Ngọc Linh thực hiện dự án khoa học công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ: "Hoàn thiện quy trình sản xuất cây giống in vitro bằng công nghệ tế bào và ứng dụng bioreactor vào sản xuất Sâm Ngọc Linh tại tỉnh Kon Tum" quy mô thực hiện 2 ha tại xã Măng Ri.

tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 25/11/2021 của Tỉnh ủy Kon Tum và Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum, đồng thời phù hợp với yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, gắn sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ.

Việc định hướng thu hút đầu tư từ 01- 02 nhà máy chế biến sâu là phù hợp với định hướng chung của ngành nông nghiệp, và điều kiện thực tế sản xuất như hiện nay nhằm hạn chế bán các sản phẩm thô ra ngoài tỉnh, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, nâng cao giá trị sản xuất và thu nhập cho người dân trên địa bàn. Tuy nhiên, hoạt động đầu tư phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Quy hoạch của địa phương, quá trình khảo sát, đánh giá hiệu quả, lựa chọn địa điểm do nhà đầu tư quyết định nên việc xác định địa điểm để đưa vào nghị quyết là khó khả thi. Ngoài ra, qua rà soát, đánh giá tiềm năng và nhu cầu thị trường hiện nay, các lĩnh vực có khả năng thu hút đầu tư chế biến sâu trong thời gian tới tập trung chủ yếu vào các ngành hàng như: cà phê, cây ăn quả và thủy sản.

3. Phân đầu diện tích cà phê xứ lạnh đạt từ 7.000 ha trở lên; diện tích cây ăn quả đạt khoảng 16.000 - 18.000 ha, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ.

*** Phân đầu diện tích cà phê xứ lạnh đạt từ 7.000 ha trở lên:**

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu về cà phê xứ lạnh được xây dựng trên cơ sở kế thừa Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) phê duyệt Đề án khôi phục và phát triển cây cà phê xứ lạnh tại các huyện Tu Mơ Rông, Đăk Glei và Kon Plông, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Năm 2025, tổng diện tích cà phê trên địa bàn tỉnh ước đạt khoảng 34.359 ha, trong đó cà phê xứ lạnh khoảng 4.492 ha. Trên cơ sở tiềm năng, lợi thế về điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, giai đoạn đến năm 2030 tỉnh phấn đấu phát triển thêm khoảng 2.500 ha cà phê xứ lạnh, tập trung tại các địa phương có điều kiện phù hợp như: Tu Mơ Rông, Măng Ri, xã Xốp, Ngọc Linh, Đăk Plô, Đăk Pek, Măng Đen, Măng Bút, Kon Plông. Việc xác định quy mô phát triển này bảo đảm phù hợp với tiềm năng, điều kiện tự nhiên, quy hoạch sản xuất và định hướng phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh, đồng thời góp phần nâng cao giá trị gia tăng cho ngành cà phê.

*** Diện tích cây ăn quả đạt khoảng 16.000 - 18.000 ha, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ:**

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa và tiếp tục triển khai các mục tiêu đã đề ra tại Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) về phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Về chỉ tiêu duy trì, ổn định và từng bước mở rộng diện tích cây ăn quả, đến năm 2030 đạt khoảng 16.000 - 18.000 ha, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; trong đó ưu tiên phát triển các loại cây ăn quả chủ lực phục vụ chế biến và xuất khẩu như: chuối, chanh dây, dứa, sầu riêng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và giá trị ngành trồng trọt.

Năm 2025, diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt khoảng 16.000 ha, trong đó một số cây ăn quả chủ lực gồm: sầu riêng 4.000 ha; chuối 4.300 ha; mít 1.600 ha; chanh dây 900 ha; xoài 500 ha,... Trong thời gian đến tiếp tục rà soát chuyển đổi một số diện tích cây trồng kém hiệu quả, nhưng phải thuận lợi để mở rộng liên vùng cây của cây ăn quả chủ lực; đồng thời tập trung hỗ trợ đầu tư về chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao giá trị sản xuất là phù hợp với mục tiêu đề ra.

4. Chỉ tiêu: *Phân đấu hình thành và được cấp thêm 30 mã số vùng trồng, 10 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu; thành lập mới khoảng 50 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã; công nhận 300 sản phẩm OCOP mới đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 07 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt chuẩn 5 sao, 50 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, còn lại là sản phẩm đạt chuẩn 3 sao. Có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định; Có ít nhất 20-30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...)*

*** Phân đấu hình thành và được cấp 30 mã số vùng trồng; 10 mã số cơ sở đóng gói phục vụ công tác xuất khẩu:**

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa và tiếp tục triển khai các mục tiêu đã đề ra tại Quyết định số 791/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) về phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*mục tiêu đến năm 2025: xây dựng và được cấp ít nhất 35 mã số vùng trồng và 10 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu*).

Đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng và được cấp 39 mã số vùng trồng, gồm: sầu riêng 23 mã, chuối 05 mã, mít 03 mã, chanh leo 02 mã, dứa 01 mã và dưa hấu 05 mã, với tổng diện tích 672,29 ha. Đồng thời, đã có 02 cơ sở đóng gói được cấp mã số với tổng diện tích 2.169 m², đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí phục vụ xuất khẩu.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, cùng với dư địa đang từng bước hình thành các vùng trồng tập trung gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, sử dụng mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói phục vụ công tác xuất khẩu nông sản chủ lực (Chuối, Sầu riêng, Chanh dây, ổi,...) nên việc đề xuất các chỉ tiêu nêu trên là phù hợp với tình hình thực tế sản xuất.

*** Thành lập mới khoảng 50 hợp tác xã và 01 liên hiệp hợp tác xã; công nhận 300 sản phẩm OCOP mới đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có ít nhất 07 sản phẩm OCOP tiềm năng đạt chuẩn 5 sao, 50 sản phẩm đạt chuẩn 4 sao, còn lại là sản phẩm đạt chuẩn 3 sao:**

Cơ sở đề xuất: Toàn tỉnh hiện có 518 hợp tác xã nông nghiệp, chiếm 76,40% tổng số hợp tác xã, song hiệu quả hoạt động chưa đồng đều, còn 41 hợp tác xã ngừng hoạt động, cần tiếp tục sắp xếp, củng cố và phát triển mới theo hướng hiệu quả. Từ đầu năm 2025 đến nay, đã thành lập mới 15 hợp tác xã, cho thấy khả năng phát triển kinh tế tập thể trong giai đoạn tới.

Lũy kế đến ngày 31/12/2025, toàn tỉnh có 619 sản phẩm OCOP còn thời hạn, trong đó 02 sản phẩm 5 sao, 57 sản phẩm 4 sao và 560 sản phẩm 3 sao; vẫn còn 12/96 địa phương chưa có sản phẩm OCOP, cho thấy tiềm năng phát triển còn lớn. Trên cơ sở kết quả đạt được và yêu cầu nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, việc đề xuất các chỉ tiêu trên là phù hợp thực tiễn và có tính khả thi.

*** Có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định; Có ít nhất 20-30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...)**

- Có ít nhất 50% chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định: Tỷ lệ nữ hoặc đồng bào dân tộc thiểu số điều hành phần đầu đạt ít nhất 50% ở giai đoạn 2026-2030 (Tính đến ngày 31/12/2025, tỷ lệ chủ thể là người phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật (nếu có) điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh giữ vững ổn định có 137 chủ thể (chiếm 44,19%)) nên chỉ tiêu đưa ra là có khả thi thực hiện được.

- Có ít nhất 20-30% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử...): Đưa ra mục tiêu 20-30% chủ thể OCOP tham gia các kênh bán hàng hiện đại (siêu thị, sàn giao dịch thương mại điện tử) và số hóa hệ thống truy xuất nguồn gốc là phù hợp với quy định của Trung ương (Thông tư số 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026).

5. Chỉ tiêu: *Phần đầu 100% trang trại chăn nuôi quy mô lớn có chứng nhận an toàn dịch bệnh, phát triển thêm 01 trang trại bò sữa và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ tiêm phòng các bệnh bắt buộc đạt tối thiểu 80% tổng đàn gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng hằng năm; kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật. Hình thành thêm 02 cơ sở giết mổ tập trung tại phía Đông của tỉnh.*

Cơ sở đề xuất:

- Chỉ tiêu đề ra phù hợp với các nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 và Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 05/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; trong đó giao UBND đặc khu Lý Sơn tổ chức triển khai, bố trí nguồn lực và xây dựng, chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh Đại động vật cấp xã.

- Nội dung đề xuất bảo đảm tính pháp lý và thực tiễn theo Luật Chăn nuôi và Nghị định số 46/2022/NĐ-CP; phù hợp định hướng tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Thực tiễn cho thấy đã có 01 dự án trang trại chăn nuôi bò sữa tại phía tây tỉnh được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang triển khai, tạo tiền đề thuận lợi để thực hiện chỉ tiêu đến năm 2030, cụ thể:

Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum, địa điểm tại xã Mô Rai, huyện Sa Thầy cũ (*nay xã Mô Rai, tỉnh Quảng Ngãi*): Hiện Công ty đã và đang xây dựng chuồng trại, các công trình phụ trợ phục vụ chăn nuôi để nhập bò về nuôi, dự kiến tháng 10/2026 mới bắt đầu nhập và đến năm 2027 mới nhập đủ số lượng, vì vậy Dự án này đến khi hoàn thành đi vào hoạt động nằm trong giai đoạn 2026-2030.

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum⁹ cũ lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện tái cơ cấu đồng bộ kinh tế của tỉnh theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng đó là: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi. Phát triển chăn nuôi đại gia súc (*bò, dê*) lấy thịt, lấy sữa tại các huyện Sa Thầy, Kon Plông và một số vùng có điều kiện. Trong đó có Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum, địa điểm tại xã Mô Rai, huyện Sa Thầy cũ (*nay xã Mô Rai, tỉnh Quảng Ngãi*);

- Thực hiện Quyết định số 76/QĐ-UBND, ngày 20/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cũ về Phê duyệt Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum. Giai đoạn 2021-2025, Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum hoàn thành và đến năm 2025 sẽ có 20.000 con bò sữa (*trong đó có 10.000 con của Tập đoàn TH; và 10.000 con trong dân*);

- Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 25-11-2021 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp hàng hoá đi vào chiều sâu, ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Theo đó mục tiêu đến năm 2025 thu hút **05** dự án đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*trong đó có Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum*).

⁹ Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 30/9/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XVI

Tuy nhiên, trên cơ sở các Nghị quyết, Quyết định trên đến năm 2025 **chưa thực hiện được Dự án** chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum cũ. Vì vậy, tiếp tục đưa Dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao tại tỉnh Kon Tum vào Nghị quyết giai đoạn 2026-2030 là phù hợp.

Bên cạnh đó, hiện nay Trang trại bò sữa Vinamilk Quảng Ngãi của Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam tại xã Mộ Đức đang hoạt động khá tốt, bò sữa thích nghi được với điều kiện tự nhiên và khí hậu phía đông tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy giai đoạn 2026-2030, đề xuất định hướng phát triển nhân rộng thêm trại chăn nuôi tại khu vực các xã phía bắc tỉnh Quảng Ngãi (Địa điểm cụ thể được xác định sau khi Công ty bò sữa khảo sát đề xuất).

- Về chỉ tiêu: Hình thành thêm 02 cơ sở giết mổ tập trung tại phía Đông của tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý, kiểm soát giết mổ động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Thời gian qua, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với các địa phương và cơ quan liên quan rà soát, hướng dẫn thực hiện các quy định chuyên ngành về quản lý, kiểm soát giết mổ động vật và định hướng phát triển cơ sở giết mổ tập trung; hướng dẫn thực hiện các yêu cầu về vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và QCVN 01-150:2017/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

Việc đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ tập trung phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành như: phù hợp với quy hoạch sử dụng đất; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, nguồn nước sinh hoạt, trường học, cơ sở y tế; đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý chất thải, nước thải; bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh động vật; đồng thời thuận lợi về giao thông, cấp điện, cấp nước và công tác kiểm soát giết mổ.

Trong thời gian tới, ngành sẽ tiếp tục phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan rà soát nhu cầu thực tế, tham mưu định hướng phát triển hệ thống cơ sở giết mổ tập trung phù hợp với điều kiện phát triển chăn nuôi, quy hoạch của tỉnh và các quy định hiện hành. Theo định hướng giai đoạn 2026-

2030, dự kiến hình thành 02 cơ sở giết mổ tập trung, tập trung tại khu vực phía Đông tỉnh Quảng Ngãi, ưu tiên tại địa bàn huyện Bình Sơn (cũ) (xã Bình Sơn) và thành phố Quảng Ngãi (cũ) (Phường Trương Quang Trọng), nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm soát giết mổ, bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường

6. Chỉ tiêu: *Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.530 ha, phát triển 2.500 ô lồng nuôi trên biển; sản lượng nuôi trồng đạt 17.547 tấn, sản lượng khai thác đạt 267.400 tấn/năm; hình thành 02 chuỗi liên kết khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ thủy sản; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản bảo đảm an toàn thực phẩm và tuân thủ quy định của pháp luật.*

Cơ sở đề xuất: Chỉ tiêu được xây dựng trên cơ sở kế thừa và thực hiện theo định hướng, mục tiêu tại Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (cũ) phê duyệt Chương trình phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Kon Tum (cũ) phê duyệt Chương trình phát triển thủy sản tỉnh Kon Tum giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển thủy sản của tỉnh trong giai đoạn mới. Cụ thể nội dung đề xuất các chỉ tiêu:

Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 2.530 ha, trong đó diện tích nuôi nước lợ khoảng 390 ha, định hướng tiếp tục phát triển các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao như tôm, ốc hương, hải sâm, cua, cá nước lợ; diện tích nuôi nước ngọt khoảng 2.140 ha, phát huy hiệu quả diện tích mặt nước các hồ chứa thủy lợi, thủy điện để phát triển nuôi lồng bè và các ao, hồ nhỏ thả nuôi các loại thủy sản truyền thống như cá trắm, cá chép, cá trôi, cá mè, cá rô phi và một số loại thủy sản đặc sản có giá trị kinh tế cao như ba ba, cá chình, cá bống tượng, cá lăng nha, cá lóc, cá thát lát, cá tầm... Phát triển 2.500 ô lồng nuôi trên biển với các đối tượng nuôi chủ yếu gồm cá bóp, cá chim, cá bè vầu, cá mú, rong nho, rong sụn, ... và một số đối tượng nhuyễn thể có giá trị kinh tế cao. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình nuôi an toàn sinh học, truy xuất nguồn gốc và áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng nhằm nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm thủy sản. Tăng cường đầu tư bảo quản sau thu hoạch, chế biến sâu và xây dựng thương hiệu thủy sản của địa phương gắn với yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Phân đầu sản lượng nuôi trồng đạt 17.547 tấn, sản lượng khai thác đạt 267.400 tấn/năm.

Hình thành thêm 02 chuỗi liên kết khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ thủy sản bao gồm: Chuỗi liên kết khai thác - chế biến - tiêu thụ sản phẩm cá chuồn và chuỗi liên kết nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ sản phẩm cá rô phi, tôm thẻ chân trắng; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản bảo đảm an toàn thực phẩm và tuân thủ quy định của pháp luật.